|  |  |
| --- | --- |
| QUỐC HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  Luật số: /2025/QH15 |  |

**DỰ THẢO 2**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

 *Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước**

1.Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 9 Điều 5 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đang kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu hoặc quy định của pháp luật khác có liên quan.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Truyền đưa, đăng tải bí mật nhà nước trên mạng Internet, mạng viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu hoặc quy định của pháp luật khác có liên quan.”

c) Sửa đổi khoản 9 như sau:

“9. Phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng viễn thông.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

**“Điều 7. Phạm vi bí mật nhà nước**

Phạm vi bí mật nhà nước là giới hạn thông tin quan trọng trong các lĩnh vực sau đây chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc:

1. Thông tin về chính trị:

a) Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đối nội, đối ngoại;

b) Hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và lãnh đạo Đảng, Nhà nước;

c) Chiến lược, đề án về dân tộc, tôn giáo và công tác dân tộc, tôn giáo liên quan đến bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

d) Thông tin có tác động tiêu cực đến tình hình chính trị;

2. Thông tin về quốc phòng, an ninh, cơ yếu:

a) Chiến lược, kế hoạch, phương án, hoạt động bảo vệ Tổ quốc, phòng thủ đất nước, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; chương trình, dự án, đề án đặc biệt quan trọng;

b) Tổ chức và hoạt động của lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng cơ yếu;

c) Công trình, mục tiêu về quốc phòng, an ninh, cơ yếu; các loại vũ khí, khí tài, phương tiện quyết định khả năng phòng thủ đất nước, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; sản phẩm mật mã của cơ yếu;

3. Thông tin về lập hiến, lập pháp, tư pháp:

a) Hoạt động lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định vấn đề quan trọng của đất nước;

b) Thông tin về khởi tố; công tác điều tra, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử, thi hành án hình sự;

4. Thông tin về đối ngoại và hội nhập quốc tế:

a) Chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển quan hệ với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế; tình hình, phương án, kế hoạch, hoạt động đối ngoại của cơ quan Đảng, Nhà nước;

b) Thông tin, thỏa thuận được trao đổi, ký kết giữa Việt Nam với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế;

c) Thông tin bí mật do nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế chuyển giao theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan;

5. Thông tin về kinh tế:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư và dự trữ quốc gia bảo đảm quốc phòng, an ninh; đấu thầu phục vụ bảo vệ an ninh quốc gia; chiến lược, kế hoạch, đề án về bảo hiểm xã hội;

b) Thông tin về tài chính, ngân sách, ngân hàng; phương án, kế hoạch thu, đổi, phát hành tiền; thiết kế mẫu, chế tạo bản in, khuôn đúc, công nghệ in, đúc tiền và giấy tờ có giá; số lượng, nơi lưu giữ kim loại quý hiếm, đá quý và vật quý hiếm khác của Nhà nước;

c) Thông tin về công nghiệp, thương mại, nông nghiệp và phát triển nông thôn;

d) Kế hoạch vận tải có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

đ) Thông tin về quá trình xây dựng quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; thông tin về quy hoạch hệ thống kho dự trữ quốc gia, quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh;

e) Thông tin có tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội;

6. Thông tin về tài nguyên và môi trường bao gồm tài nguyên nước, môi trường, địa chất, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đất đai, biển, hải đảo, đo đạc và bản đồ;

7. Thông tin về khoa học và công nghệ

a) Sáng chế, công nghệ mới phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội;

b) Thông tin về năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân liên quan đến quốc phòng, an ninh;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia liên quan đến quốc phòng, an ninh;

d) Chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển bưu chính, viễn thông và Internet, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, điện tử, hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh;

đ) Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, hệ thống thông tin quan trọng quốc gia và hệ thống mạng thông tin dùng riêng phục vụ cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước;

8. Thông tin về giáo dục và đào tạo:

a) Đề thi, đáp án và thông tin liên quan đến việc tổ chức kỳ thi cấp quốc gia;

b) Thông tin về người thuộc Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, Cơ yếu được cử đi đào tạo trong nước và ngoài nước;

9. Thông tin về văn hóa, thể thao:

a) Thông tin về di sản, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia;

b) Thông tin về di tích lịch sử liên quan đến chủ quyền quốc gia;

c) Chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh và truyền hình, thông tin điện tử, thông tấn, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở phục vụ quốc phòng, an ninh;

10. Thông tin về y tế:

a) Thông tin bảo vệ sức khỏe lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước;

b) Chủng, giống vi sinh vật mới phát hiện liên quan đến sức khỏe, tính mạng con người; mẫu vật, nguồn gen, vùng nuôi trồng dược liệu quý hiếm;

c) Quy trình sản xuất dược liệu, thuốc sinh học quý hiếm;

d) Tình hình phức tạp về tệ nạn xã hội;

11. Thông tin về tổ chức, cán bộ:

a) Chiến lược, kế hoạch, đề án về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; chiến lược, kế hoạch, đề án về cải cách tiền lương;

b) Quy trình chuẩn bị và triển khai, thực hiện công tác tổ chức, cán bộ;

c) Thông tin về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

d) Đề thi, đáp án thi tuyển chọn lãnh đạo, quản lý và tuyển dụng, nâng ngạch công chức, viên chức;

đ) Tình hình phức tạp về lao động;

12. Thông tin về thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng:

a) Chiến lược, kế hoạch, đề án về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

b) Thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết tố cáo và phòng, chống tham nhũng;

13. Thông tin về kiểm toán nhà nước:

a) Chiến lược, kế hoạch, đề án về kiểm toán nhà nước;

b) Thông tin kiểm toán về tài chính công, tài sản công.”

 3. Sửa đổi khoản 1 và điểm c, khoản 2 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ vào quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản hành chính quy định về danh mục bí mật nhà nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2 như sau:

“c) Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lập danh mục bí mật nhà nước của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước**

1. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước phải căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước và quy định của Luật này.

2. Người đứng đầu, cấp phó được ủy quyền của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước và phạm vi lưu hành của bí mật nhà nước.

3. Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác thì phải xác định độ mật tương ứng. Trường hợp thông tin trong cùng một tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc danh mục bí mật nhà nước có độ mật khác nhau thì xác định theo độ mật cao nhất.

4. Độ mật của bí mật nhà nước được thể hiện bằng dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật hoặc hình thức khác phù hợp với hình thức chứa bí mật nhà nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

5.Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

**“Điều 11. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước**

1. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tuyệt mật bao gồm:

a) Người đứng đầu cơ quan của Trung ương Đảng; người đứng đầu tổ chức trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng;

b) Người đứng đầu cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;

c) Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;

d) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

đ) Tổng Kiểm toán nhà nước;

e) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

g) Người đứng đầu cơ quan trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội;

h) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ;

i) Người đứng đầu cơ quan thuộc Chính phủ;

k) Bí thư tỉnh ủy, thành ủy và Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

l) Cấp trên trực tiếp của những người quy định tại các điểm a, b, c, h và i khoản này;

m) Người đứng đầu Văn phòng Kiểm toán nhà nước, đơn vị thuộc bộ máy điều hành của Kiểm toán nhà nước, Kiểm toán nhà nước chuyên ngành, Kiểm toán nhà nước khu vực;

n) Người đứng đầu cục, vụ và tương đương trực thuộc cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản này, trừ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

o) Người đứng đầu cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài;

p) Cấp phó của người quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n, khoản này;

q) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức đảng quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, n khoản này.

2. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Tối mật bao gồm:

a) Những người quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người đứng đầu cục, vụ và tương đương thuộc cơ quan thuộc Chính phủ;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h và i khoản 1 Điều này;

d) Người đứng đầu sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương;

đ) Người đứng đầu đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, trừ người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; Chánh án Tòa án nhân dân khu vực, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực;

e) Người đứng đầu Bảo hiểm xã hội, Chi cục thuế, Chi cục thống kê cấp tỉnh; người đứng đầu Kho bạc Nhà nước khu vực, Chi cục hải quan khu vực, Chi cục dự trữ Nhà nước khu vực;

g) Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

h) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc doanh nghiệp nhà nước;

i) Cấp phó của người quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h khoản này;

k) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức đảng quy định tại các điểm b, c, d, đ, g, h khoản này;

3. Người có thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước độ Mật bao gồm:

a) Những người quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc cục, vụ và tương đương thuộc cơ quan quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này; người đứng đầu đơn vị cấp phòng và tương đương thuộc cơ quan quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều này; người đứng đầu đơn vị thuộc cơ quan quy định tại điểm h khoản 2 Điều này;

c) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; trưởng ban của Hội đồng nhân dân, trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp xã và tương đương;

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền cho phép sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

5. Người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này chỉ được cho phép sao chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

6. Người được giao thực hiện việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải là cán bộ, công chức, viên chức và sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm công tác cơ yếu có liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước hoặc người làm công tác liên quan đến bí mật nhà nước.

7. Chính phủ quy định việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.”

6.Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật này quyết định việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý tương ứng với độ mật của tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước mà người đó có thẩm quyền cho phép sao, chụp.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 16 như sau:

“a) Tổng Bí thư Ban Chấp hành Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước độ Tuyệt mật theo lĩnh vực chỉ đạo, điều hành.”

8.Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 17 như sau:

“e) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước quyết định việc thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 18 như sau:

“d) Tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước phải được thu hồi sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp và bảo đảm yêu cầu quy định tại các điểm c, d, đ khoản 1 Điều 17 của Luật này.”

10.Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:

“2. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước về hoạt động có thể ngắn hơn thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này và phải xác định cụ thể tại tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi xác định độ mật bằng dấu Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước hoặc hình thức khác phù hợp với hình thức chứa bí mật nhà nước.”

11.Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 20 như sau:

“5. Trường hợp hết thời hạn bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này, người có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc và thông báo ngay bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”

12.Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3; điểm c khoản 4 Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bí mật nhà nước được giải mật toàn bộ hoặc một phần trong trường hợp sau đây:

a) Hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước quy định tại Điều 19 của Luật này và thời gian gia hạn quy định tại Điều 20 của Luật này;

b) Đáp ứng yêu cầu thực tiễn bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; phát triển kinh tế - xã hội; hội nhập, hợp tác quốc tế;

c) Không còn thuộc danh mục bí mật nhà nước;

d) Trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác mà bí mật nhà nước đó được cơ quan, tổ chức xác định giải mật.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp quy định tại điểm a, điểm c và điểm d khoản 2 Điều này thì đương nhiên giải mật.

Trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước phải đóng dấu, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc giải mật và thông báo ngay bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác đã được giải mật toàn bộ thì cơ quan, tổ chức sử dụng tiến hành đóng dấu giải mật ngay sau khi nhận được quyết định giải mật của cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước và thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trường hợp bí mật nhà nước giải mật một phần thì cơ quan, tổ chức sử dụng bí mật nhà nước thông báo bằng văn bản nội dung giải mật một phần đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Hội đồng giải mật có trách nhiệm xem xét việc giải mật, báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước hoặc Chủ tịch Hội đồng giải mật quyết định việc giải mật.”

13.Bãi bỏ điểm g khoản 2 Điều 24.

14. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Văn phòng Trung ương Đảng và ban đảng, đảng ủy trực thuộc trung ương; cơ quan trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội; Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; tỉnh ủy, thành ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây.”

15. Bãi bỏ khoản 1 Điều 25 và cụm từ “nội quy” tại khoản 2 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 26.

16.Bãi bỏ Điều 28.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**